

## BẢN LUẬN QUYỂN 24

Trong giải thích giác ngộ, Du-già thứ bảy có hai:

- 1/ Bốn câu hỏi.
- 2- Thứ lớp giải thích.

Trong phần giải thích, trước là giải thích rộng, kế là nghĩa giản lược; sau, kết, rộng lược.

Trong phần đầu, trước giải thích sơ lược bốn câu hỏi. Sau, là giải thích rộng thứ ba về giác ngộ Du-già.

Theo phần giải thích sơ lược, nghĩa là qua một phần đầu trong bốn phần đêm, là phần vị đầu hôm... .

Pháp sư Thái, Pháp sư Cơ đồng nói: “Theo thế tục của cõi nước kia, ngày, đêm đều lập ra bốn phần: Từ đầu Đến sau, quá một phần vị đầu, gọi là thời đầu. Từ sau đến trước, quá một phần vị sau, gọi là thời sau. Khoảng giữa có hai phần vị rưỡi, gọi là giờ nửa đêm. Vô ban ngày cũng thế.

Trong đây, thuận với thế tục, Pháp sư Khuy Cơ thêm một giải thích: “Quá có hai thứ:

1- Vừa vào, gọi là quá, tức luận này nói: “Quá một phần vị sau trong bốn phần vị đêm, gọi là phần sau đêm, nghĩa là vì vào trong bốn phần, nên một phần gọi là quá, chứ chẳng phải một phần vị sau đã không có mà gọi là quá.

2- Công việc đã xong gọi là quá, nghĩa đó rất dễ hiểu.

Trong đây trở xuống là thứ hai, giải thích rộng thứ ba trong giác ngộ Du-già có ba:

- 1/ Phần vị ban ngày rộng.
- 2/ Phần đầu hôm rộng.
- 3/ Phần vị gần sáng rộng.
- Trong phần vị ban ngày rộng:
  - 1/ Giải thích ban ngày.
  - 2/ Giải thích kinh hành.
  - 3/ Giải thích về sự ngồi yên.
  - 4/ Giải thích “từ thuận với pháp chướng, tịnh tu tâm mình”.

Kinh hành, nghĩa là số đo chiều rộng, chiều dài cho đến tương ứng với thân nghiệp. Luận sư Cảnh nói: “Có thể rộng ba bước, dài khoảng ba mươi bước, là đường kinh hành”.

Pháp sư Khuy Cơ lại giải thích: “Người phương Tây phần nhiều uống bơ sữa, vì họ ăn khó tiên hóa. Vì đã đo lường một chỗ, không

nhiều, ít, hoặc bày ra, hoặc ẩn, qua lại trong đó, giống như đi kinh hành làm tiêu hóa chỗ thức ăn. Sự đi lại trong đây đã có thân nghiệp như pháp.

Trong ngôi yên: là Ngôi kiết già, thân ngay ngắn, chánh nguyện, an trụ, trái với niệm, nghĩa là ngôi kiết già, dung mạo trang nghiêm đáng kính, phân biệt với ngôi không, chẳng thể ngôi kiết già. Như quyển ba mươi ba dưới có năm “lại nữa” nhằm giải thích về thân sinh khinh an v.v...

Thân ngay ngắn giải tỏa được sự mệt mỏi, nhọc nhằn của thân, biểu lộ ý chánh niệm. Do ngôi ngay thẳng nên không bị triền hôn trầm, thù miên khuấy nhiễu, không bị phân tán, xao động bởi ngoại cảnh. Cho nên chánh nguyện khác với tà nguyện, tâm không có yêu cầu gì khác, an trụ trái với niệm, tâm được Niết-bàn, với ý niệm mong cầu xuất thế, vì trái với sinh tử, nên nói là trái với niệm.

Đã trái với tâm sinh tử, vì an trụ niệm Niết-bàn vô lậu, cho nên kinh.

Năng Đoạn Kim Cương Bát-nhã nói: “Trụ đối diện với Niệm. Niệm đối diện này trái với sinh tử, hân hoan niệm Niết-bàn (Như quyển ba mươi, sẽ nói rộng).

Có hai lần “Lại nữa” để giải thích:

1- Giải thích như trước.

2- Vì ở trong định nên trái với không định. Tâm niệm Niết-bàn, không có niệm nào khác, tức là không khởi lỗi. Thường lấy chánh niệm làm đối diện để an trụ.

Y cứ giải thích: “Từ thuận với pháp chướng, trong tịnh tu tâm, được chia làm hai:

1- Phát ra thể của chướng và thuận với pháp chướng, thể chướng tức là năm cái; thuận với pháp chướng, nghĩa là chấp tướng tịnh mầu nhiệm, thuận với tham dục kia. Chấp tướng của nhà sân khuế của duyên trái kia, tức thuận với sân khuế. Nếu chấp tướng đen tối, thì thuận với hôn trầm, thù miên. Nếu khởi Tâm, Tư về thân thuộc, cõi nước, không chết, thì thuận với điệu cử. Nếu gợi lại ký ức xưa, khi còn ở trong chúng, cười đùa, mừng, vui, kính thờ thì thuận với ác ác. Nếu “duyên” những việc “có” “không” của ba đời, tức sẽ thuận với nghi.

Giải thích thứ hai, từ thuận với pháp chướng, tịnh tu tâm mình, trong đó có hai:

1/ Do pháp tăng thượng, nên đã lia chướng kia. Về sau do tự tăng thượng và tăng thượng của thế gian, nên thoát khỏi pháp chướng kia.

Trong phần trước có ba:

1/ Do kinh hành, Từ cái, hôn trầm, thù miên và thuận với ra khỏi pháp chướng.

2/ Do ngồi yên, từ bốn chướng khác và thuận với thoát ra khỏi bốn pháp chướng.

3/ Tổng kết.

Trong phần trước có ba, do có ánh sáng đều có với tâm và có tia sáng đều cùng với tâm, nghĩa là nước, lửa, sao, trăng, cỏ thuốc, ngọc báu là ánh sáng. Tâm “duyên” tia sáng này, gọi là tia sáng đều có với tâm. Vì mặt Trời hay phát ra ánh sáng, khiến ta được nhìn thấy kể cả sự vật ở chỗ bị che khuất. Mặt trăng v.v... khác thì không như thế!

Theo trong giải thích thứ hai, về ngồi yên, trước hỏi, sau đáp.

Trong phần hỏi: “Từ có bao nhiêu pháp ngăn trở tịnh tu thân mình?” Nghĩa là hỏi về số lượng. “Thế nào là từ pháp chướng kia tịnh tu tâm mình”, đó là hỏi về tướng tu.

Trong phần đáp có hai:

1/ Đáp về số lượng.

2/ Đáp về tướng tu.

Trong phần đáp về tướng tu, trước giải thích rộng từ cái tham dục và thuận với pháp xuất ly. Về sau gồm thâu giải thích từ ba thứ khác và thuận với pháp xuất ly, nghĩa là hoặc quán hải cốt kia, hoặc quán vòng xúc xích kia; hoặc quán móc xương.

Pháp sư Khuy Cơ nêu: “Nên hỏi: Nay xét lại quyển ba mươi có hai lần “Lại nữa” để giải thích về tướng định của bậc hiền thiện?”.

Luận sư Cảnh nói: “Quán tướng nhật định của vô thường chung v.v... cũng được lia tham. Pháp sư Khuy Cơ nói: tướng định dứt bốn cái này gọi là định của hiền thiện.”

Trong gồm thâu giải thích về xuất ly ba chương khác, trước nói về ba chương có khác với chương đầu. Về sau, lại đối với cái sân khuế, nên nói ... “trở xuống, là nói cái kia là đoạn, trường hợp lắng nghe v.v..., đồng có với chương đầu.

Trong cái nghi của đoạn đầu, “Ta ở quá khứ là từng “có” hay “không” từng ?

Đã làm trong đây, đầu tiên, là nói không tư duy như lý thì ba đời đều nêu. Nghi phẩm hạ, là ba đời có và có nhân duyên, ba đời đều nói chỉ có nghi trong “có” “không” chỉ ở quá khứ, không nói hiện tại, vị lai là có ý gì?

Pháp sư Khuy Cơ nói rằng: “Như nói rộng có ảnh lược để làm rõ

trước, sau đều nêu ba đời, trong đây chỉ nói quá khứ là giải thích ảnh lược hiện tại, vị lai. Vì sơ lược, nên không nói. Lại hiện tại là hiện có, không thể nghi “có”, “không”, khó trắc nghiệm (đo lường). Lại, nay cho rằng đã được chánh kiến, vì quả vị lai dứt, nên không cần phải nghi là vị lai “có” hay “không”? Vì quá khứ không đồng với hiện tại, vị lai, nên nói riêng. Nghi “có”, “không”, thật ra có cả ở ba đời”.

Trong quá khứ ta đã đâu từng có, làm sao đã từng có? Trong vấn đề này có hai tư duy:

1/ Tư duy quá khứ đã từng có pháp nào?

2/ Pháp tu duy quá khứ từ đâu đến? Tức câu hỏi trước về thể của pháp. quá khứ đã thế, hai đời cứ theo đây mà biết được hữu vi “có” là có pháp; biết vô vi “không” là vô ngã.

Phần thứ hai nói do hai tầng thượng khác, nên xuất ly ngay trong chương: 1/ Trước kết, sau sinh, nêu chung cả hai. 2/ Giải thích riêng ca hai.

Tự tầng thượng. Nghĩa là tự mình biết khởi. Cái chẳng phải là pháp thiện, rất đáng xấu hổ, nên hãy xa lìa.

Tầng thượng thế gian. Nghĩa là đối với các Cái, tùy một Cái đã sinh, hoặc ngay khi nó sắp sinh, liền nghĩ rằng: “Nếu ta khởi Cái thì chắc chắn sẽ bị Đại Sư, các trời, bậc Phạm hạnh có trí ở thế gian chê bai, cho nên từ chương xuất ly, tịnh tu tâm mình.

Từ trên đến đây, nói rộng về ban ngày, kinh hành, ngồi yên, lìa được chương đã xong.

“Lại, vì che chở giữ gìn các đồ nằm” trở xuống là kế, nói rộng về đầu hôm, kinh hành, ngồi yên, tịnh tu tâm mình, trong đó có sáu:

1/ Giải thích về đầu hôm, kinh hành, ngồi yên, v.v...

Nói: “Vì gìn giữ đồ nằm, nên thuận với cách thức thế gian, v.v...”

Pháp sư Khuy Cơ nói: Ý trong đây nói, về phần vị đầu hôm, do kinh hành ban ngày, nên về phần vị gần sáng không cho kinh hành. Kinh hành vào đầu hôm không cho phép đi xa, hoặc đến chỗ kinh hành vào ban ngày, vì hai kẻ trộm đến đánh cắp đồ nằm, cho nên cho kinh hành gần nơi đồ nằm. Lại, dù là nửa đêm, oai nghi cần phải đứng đắn, nên thuận với nghi thức thế gian, mà kinh hành vào đầu hôm. Lại, người thức tục đi vào đầu hôm, cho tăng kinh hành vào đầu hôm, đây là thuận với cách thức của thế gian, cho nên đồng.

Kinh hành vào đầu hôm có hai nhân duyên:

a/ Vì gìn giữ đồ nằm, cho nên không đi xa.

b/ Vì thuận với thế gian, nên kinh hành vào ban ngày.

Nay giải thích: Vì gìn giữ đồ nằm, nên chỉ đi kinh hành vào ban ngày và đầu hôm. Nếu đến nửa đêm trở lại chỗ nằm, lại thuận với thể tục ngũ ngon vào nửa đêm. Chỉ kinh hành, ngồi yên vào đầu hôm, gần sáng. Rạng sáng hôm sau. Vào nửa đêm đúng như pháp nằm ngũ.

2/ Giải thích về cách nằm nghiêng hông bên phải, mà chẳng phải như quý khác nằm, trời nằm v.v... Nghĩa là hoặc quý thì nằm sắp ngủ, hoặc Trời nằm giữa, người thọ dụng nằm nghiêng hông trái. Sự tử nằm hông phải.

3/ Giải thích về trụ tướng ánh sáng.

4/ Giải thích về chánh niệm.

5/ Giải thích về chánh tri.

6/ Giải thích về tư duy khởi trong tưởng:

1- Dùng ba lần “Lại nữa” để giải thích tưởng.

2/ “Phải biết rằng đây v.v...” trở xuống, là nói về ba thứ khác nhau.

Nói rừng Lộc Dã, là loài nai sống nơi hoang dã, chúng rất sợ con người giết hại, nên ngũ không yên ổn. Người có phương tiện khéo léo sẽ bảo cho chúng lúc nằm cũng thế.

Trong nghĩa giản lược, 1/ Trước kết, sau hỏi. 2/ Đáp câu hỏi, chính giải thích.

Trong giải thích có hai:

1/ Nói về bốn việc làm chính đáng.

2/ “Dựa vào bốn thứ” trở xuống, là dẫn văn rộng ở trước, hệ thuộc theo thứ lớp, trong đó có hai:

a/ Theo thứ lớp hệ thuộc gánh vác bốn việc đã làm.

b/ “Trong đây v.v...” trở xuống, là y cứ riêng về việc làm thứ ba, thứ tư, chỉ ngay văn trước.

Trong phần trước gồm có bốn:

1- Nói chung về việc kinh hành, ngồi yên vào ban ngày và lúc đầu hôm.

2- Điều là văn trong quán hạnh, khi mới đầu hôm.

3- Việc làm lúc gần Đến phần thứ hai, y cứ riêng về việc làm ở phần ba, bốn, chỉ phải ở giữa ngày.

4/- Lời nói đầu, “ trong đây đã nói trụ tướng hào quang sáng, cho đến cho rằng, do chánh niệm và do chánh tri”. Nghĩa là nêu đã khởi hai tư duy trong lúc đầu hôm, với sự ngủ nghỉ là duyên của tâm không có nhiễm ô vào nửa đêm, đều gọi là chánh niệm chánh tri.

Kế là nói “lại do hai duyên cho đến và do tư duy khởi tưởng”,

nghĩa là lại do hai tâm từ khi đầu hôm làm duyên khiến cho đến rạng sáng hôm sau, thức dậy đúng giờ đã qui định. Không giải thích về thời gian quá chạng vạng, nghĩa là do trụ vào tưởng ánh sáng và tư duy khởi tưởng.

“Đây là thế nào?” trở xuống, là giải thích lại, bốn môn vào lúc đầu hôm: hai là môn ngủ không có nhiệm làm duyên vào nửa đêm; hai môn là duyên cố thức dậy không quá giờ vào sáng sớm hôm sau.

Thứ tám, là trụ trong chánh tri, đầu tiên, giải thích rộng; kế là sơ lược, sau là kết.

Trong phần đầu có bốn:

1- Nêu chín môn.

2- Giải thích rộng.

3- Phân tích về chín thứ theo thứ lớp trước sau.

4- Gồm thâu chín thứ làm hai, nghĩa là lúc đi; lúc đứng: năm thứ trước là đi, bốn thứ sau là đứng.

Nêu chín thứ như văn.

Trong phần giải thích có sáu đoạn:

Giải thích trong qua lại, trước nêu ba câu hỏi:

a/ Câu hỏi 1: Qua.

b/ Câu hỏi 2: Lại.

c/ Câu hỏi 3: Qua, lại, trụ trong chánh tri.

Trong phần đáp gồm có ba:

a/ Nói về nghĩa qua lại.

b/ Giải thích về qua lại, trụ trong chánh tri.

c/ Giải thích đã kết.

Trong giải thích chánh tri có hai:

a/ Lập bốn trường hợp.

b/ Lấy bốn trường hợp này để giải thích bốn trường hợp trước.

Lập bốn trường hợp:

1/ Tự qua, lại trong chánh tri.

2/ Đối tượng nên qua lại trong chánh tri.

3/ Khi qua, lại biết, nghĩa là nếu khát thực quá giờ ngộ, thì khi đã đi, chẳng phải quay trở lại.

4/ Như thế, như thế, nên qua lại. Nghĩa là đi lại là việc nên làm. Nếu vì những việc áo, cơm chữa bệnh cho chính bản thân mình, thì nên qua, lại. Nếu là duyên cố nảy sinh phiền não thì không nên qua lại.

Trường hợp thứ hai trong đây là đối tượng nên qua lại, và trường hợp thứ tư: Như thế, như thế, nên qua lại có gì khác nhau? Tức trong

phần giải thích lại dưới đây nói rằng: “Như sắc loại, động tác kia, với oai nghi thức lễ khuôn phép thì nên đi lại. Điều này khác với trước.

Trường hợp thứ hai, chỉ thuộc về nhà kia đều nên qua lại. Có năm nhà không nên qua lại, sau là thứ tư là chỗ nên qua lại cũng tự có khuôn phép, nghi thức để qua lại, nếu không có thì chẳng nên qua lại, do đó là khác.

Môn ngắm xem dưới đây đều có bốn, cứ theo tác pháp này. Trường hợp thứ hai đều đồng với nhà kia có thể như vậy, không thể như vậy.

Trường hợp thứ tư, có thể làm rõ về lý trong “có thể như vậy” của trường hợp thứ hai.

Xuất lý: giải thích kia trong trường hợp thứ hai: nhìn thấy nếu không để ý trước, bỗng nhìn thấy sắc, gọi là thấy, tức là đột nhiên nhãn thức và ý thức đồng thời. Nếu để ý trước rồi nhìn thấy sắc v.v... thì gọi là xem là hai thức đẳng lưu.

Nói không nhìn thấy, nghĩa là nữ sắc v.v... Khi biết nhìn thấy, không giải lao, ngũ, hoặc thấy phá hoại, lúc khởi hạnh nhàm chán, tức có thể nhìn thấy, thời gian khác thì không nên. Như đối tượng đáng nên xem thì biết việc mình đã làm là vì sinh trưởng Đạo, nên phải nhìn thấy. Trái lại, nếu thêm phiền não thì không nên nhìn thấy.

Thứ ba, trong giải thích về cử. Chỉ co, duỗi. Nghĩa là co, duỗi tay, chân lúc nhìn thấy sự đi, lại ở trước, cánh tay và chi tiết khác, là sự co duỗi kia.

Biết tự tướng của sự co, ruỗi. Tức là cố ý hoặc là giả vờ. Biết đối tượng co duỗi. Nghĩa là tay chân v.v... Biết thời, nghĩa là phải vổ, tát, hoặc vì giải lao v.v... thời gian khác (dịp khác) thì không nên.

Nếu co duỗi v.v... như thế. Nghĩa là biết cử chỉ co duỗi như thế với ý vốn vì chuyện gì?

Thứ tư, giải thích trong việc mang Tăng-già-chi v.v... Tăng-già-chi, xưa dịch Tăng-già-lê là sai. Ở đây gọi là chung là Đại y, hoặc sáu mươi điều, hoặc chín điều v.v... Nếu dựa theo Luật Tứ Phậ nói về chín điều cho đến mười chín điều. Nếu có quá số này, cũng nên cất giữ, có chỗ nói không nên cất giữ, văn luật cũng, không nhất định.

Luật Sư Thủ nói: “cũng” là nên, là y cứ ở luật Tát-bà-đa, có ba phẩm, cho đến hai mươi lăm điều, gọi là thượng phẩm y.

Nay theo luận này nói: “Hoặc có bốn nói: Y cứ nhiều nhất là sáu mươi điều. Xét trong luật, luận của Năm Bộ, thì chưa thấy may y có điều. Ít nhất là y chín điều, các bộ đều thừa nhận”.

Sáu mươi điều. (Có người giải thích, là “Ca-sa mười lăm điều.

Mỗi điều đều có ba bức dài, một bức ngắn, nên thành mười lăm điều”.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Hoặc nói thế này” sáu mươi điều, hoặc lại được nhiều nhất là một trăm năm mươi điều. Hoặc cắt rọc thành hai lớp. Hai y còn lại là một lớp. Cũ thì nói là gấp nhiều lớp. Nếu là vật phần tảo thì nhiều, ít điều tùy ý.

Luật Thập Tụng nói: “Già lê mới; cũ bốn lớp, phải cắt, rọc bỏ bớt.

Đắp Đại y này đi vào xóm và cung vua, hoặc được lên tòa giảng, không được phết dưới đất và lễ bái thầy, bậc tôn trưởng v.v...

Hoặc có Trung y, hoặc có hạ y.

Trung y, tức y bảy điều. Ở dưới Đại y và trên năm điều, gọi là trung y. Ở đây hoặc thọ trì làm y. Hoặc có y dư, y dư có hai: Hoặc chưa thực hành thuyết tịnh; hoặc đã tác, tịnh. Nếu lên thuyết giảng, lễ Phật v.v... thì đắp Trung y. Như lúc đi đường, làm việc v.v... thì đắp tiểu y.

Bát có nhiều thứ, chủ yếu chỉ có hai: 1/ bát bằng sắt, 2/ Bát sành. Bát này gọi là ứng lượng khí. Nếu quá năm đường khâu lại thì không được thọ trì.

Theo Luận Tát-bà-đa v.v... Bát bậc Thượng đựng ba đấu; Bát bậc hạ đựng một đấu; bát bậc trung, rất dễ hiểu. Đây là y theo đấu của đời Tần,

Thứ năm, giải thích trong ống ăn, nuốt, nếm: Vì sao bánh v.v... là ăn sữa v.v... là uống? Có thể nhai, gọi là nếm; không thể nhai, thì gọi là nuốt. Vì thức ăn thật như bánh v.v... không thể nuốt, nên nhai, nhấm, gọi là nếm. Hoặc dù nói thế, nhưng nuốt hay nếm vẫn không khác.

Thứ sáu, là trong giải thích chung bốn môn sau, Trước là hỏi về bốn tướng, kể cả chánh tri, bốn tướng đó là: thứ sáu, đi, đứng, ngồi, nằm.

Thứ bảy, là thức giấc. Thứ tám là im lặng. Thứ chín là giải thích về giấc ngủ uể oải.

Trong phần đáp, trước giải thích về tướng; sau giải thích về chánh tri. Cũng có bốn trường hợp trước sau. Trong giải thích về bốn tướng, đồ trái ngồi nào có khác với Ni Sư đàn?

Luận sư Cảnh nói: “Ni-sư-đàn là tọa cụ. Vì sợ bẩn tấm giạ lớn, nên trải một tấm vải lên trên giạ để nằm, gọi là đồ trái”.

Thứ ba nói về chín chánh tri trong thứ lớp trước, sau, trước hỏi, sau giải thích. Trong giải thích có chín:

1/ Nói về qua lại, trong đó có bốn:

a- Giải thích qua lại



b- Giải thích về chỗ nên đi, không nên đi.

c- Giải thích về thời gian thích hợp,

d- Giải thích việc nên làm.

2/ “Lại, đối với đã đi v.v...” Trở xuống, là thứ hai, giải thích về thấy xem chỉ phân tích về chủ thể thấy xem nên, không nên. Hai trường hợp sau, vì có thể y cứ theo giải thích trước, nên lược qua.

3/ Không giải thích. Bảy thứ khác, so với đây. “không nên lay động thân v.v...” “Trở xuống, là giải thích thứ ba về sự co duỗi. Những thứ này, như trong chúng học của luật nói.

4/ “Không nên mở nút v.v...” Trở xuống, là thứ tư, giải thích về mang y bát, không nên mở nút v.v... : Nghĩa là không nên không cài nút lại.

Pháp sư Huyền Trang nói: “hạ y có nút cài, không nên mở ra, nên buộc lại. Y không cắt, không xả, y không rách nát”.

Không như vôi voi: Luận sư Cảnh v.v... Giải thích:” Góc Ca Sa rủ xuống, gọi là như vôi voi, tức đây là đắp y, xếp y, không rủ ngược trở xuống, mà cuốn lên trên, gọi là đầu rồng, hoặc đùn lại ở cổ tay, gọi là như nắm hạt đậu.”

Pháp sư Thái lại giải thích. “Phòng bông lúa trong cây Đa La, ở trong cây phát ra góc Ca-Sa, y mở ra, đều không nên”.

Pháp sư Khuy Cơ lại giải thích “Dù đắp trên bắp vế, không được góc y cao như đầu rồng. Không được cuộn nhàu Ca-sa lại, vắt ở khuỷu tay trông như viên đậu”.

Luật sư Đạo Tuyên nói: “Góc y dưới rủ xuống, trông như cây Đa-la; góc trên rủ xuống, gọi là như vôi voi.

5/ “Lại nên thứ lớp thọ dụng thức uống ăn v.v...” trở xuống thứ năm, là giải thích về thứ lớp uống, nuốt, nếm. Cũng như thiên chúng học trong luật nói.

6/ “Từ câu: “ Nhà thí chủ v.v...” Trở xuống, là phần thứ sáu, giải thích về cử chỉ đi, đứng, ngồi, nằm.

7/ “Về ban ngày v.v...” trở xuống, là phần thứ bảy, giải thích về thức giấc.

8/ “Hoặc nói năng, bàn bạc v.v...” trở xuống là phần thứ tám, giải thích về sự im lặng. Trong đây, Chân như, Pháp giới rất là sâu xa. Tự “Hai không” còn lại và Pháp nhân duyên của các duyên khởi gọi là giống với rất sâu sắc.

9/ “Lại, đối với phần vi nóng v.v...” trở xuống là phần thứ chín, giải thích về sự ngủ nghỉ nhọc mệt.

Trong thứ tư, gồm thâu thứ chín làm hai, văn chia làm ba:

1/ Kết trước, khởi sau.

2/ Giải thích về trụ trong chánh tri .

3/ “Phải biết trong đây v.v...” trở xuống, là nói gồm thâu chín làm hai. Nhưng trong đây nói rằng: “Như thế, gọi là trụ trong chánh tri theo thứ lớp trước sau”, nghĩa là sắp khởi sau, kết lời trước, cũng có thể là câu kết thuộc về trong môn Thứ đệ ở trước.

Lại, đối với phẩm thiện, ở trước chưa thú nhập, cho Đến “Như thế gọi là trụ trong chánh niệm “, nghĩa là trong đây, ý nói là khi chưa thành xong, gọi là chánh tri; thành xong trở đi, gọi là trụ trong chánh tri.

Trong gồm thâu chín làm hai, hai pháp đi, đứng gồm thâu pháp môn ở trước. Pháp gồm thâu này chẳng phải đi đứng ở trước, nghĩa là việc đi, đứng, gọi là hành, chẳng phải đứng đi, gọi là hành, chỗ đứng gọi là đứng. Không phải ở trước nói là trụ, nên được thuộc về pháp.

Không có trở ngại, trong nghĩa giản lược, gồm có ba:

1/ Trước kết, sau hỏi.

2/ Chính giải thích.

3/ Kết.

Trong giải thích, đầu tiên chia làm ba môn; sau là gạn riêng, giải thích.

Giải thích gạn có ba:

1/ Giải thích về nghiệp đi, tức năm thức trước trong chín thứ.

2/ Giải thích về nghiệp đứng, cũng có năm thứ:

a/ Thân nghiệp, tức là đi, đứng, ngồi thứ sáu.

b/ Ngữ nghiệp, tức là ngữ thứ tám.

c/ Ý nghiệp, tức là nằm thứ sáu, im lặng thứ tám, giải lao, ngủ nghỉ thứ chín.

d/ Nghiệp ban ngày.

đ/ Nghiệp ban đêm. Hai nghiệp này chính là hai nghiệp thân, ngữ của nghiệp đêm, nghiệp ngày trong trung lập thức giấc thứ bảy.

Ở đây nói: “hoặc nằm hoặc im lặng, gọi là ý nghiệp lúc đứng, nghĩa là nằm trong đây lẽ ra ở trong thân nghiệp, vì khi nằm, vì tư duy tưởng ánh sáng, nên gọi là ý nghiệp, chứ chẳng phải nằm là ý. Lại, nếu người nằm thì lời nói này chỉ rõ nghiệp đêm lúc đứng. Lại lấy nằm trong đi, đứng, ngồi, nằm thứ sáu, cũng là nghiệp đêm thứ năm trong năm nghiệp đứng. Nằm ở đây ở trước nhập thuộc về nghiệp đêm, là một pháp có hai tác dụng.

3/ Giải thích về nghiệp đi, đứng chánh tri có bốn. Trong đây theo

Luận sư Cảnh giải thích:

a/ Chánh niệm không buông lung. b/ Nên làm thì làm.

c/ Hiện tại không có tội.

d/ Ở đời đương lai cũng không có tội.

Nếu theo Pháp sư Cơ giải thích thì ở sau hiện tại sẽ không có tội là thứ ba, là được chưa được nhóm hợp tư lương là thứ tư.

